

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-5-2020.

Về việc “Ly hôn giữa bà T và
ông T”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT – TỈNH LÂM ĐỒNG

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Tử Hồng Hải

+ Ông Phạm Quang Vinh

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 685/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2020 và Quyết Định hoãn phiên tòa số :05/QĐST-HNGĐĐ Ngày 12/3/2020 hoãn giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Trần Hoài T, sinh năm 1995; địa chỉ: số 29/3, đường D, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Võ Trung Thịnh, sinh năm 1992; địa chỉ: số 10/2, đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng bà Nguyễn Trần Hoài T trình bày: bà và ông Võ Trung T chung sống và tổ chức lễ cưới 2017, đến năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân giữa hai bên tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại số 10/2 đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo bà T vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài nên tình cảm vợ chồng cũng không còn.

Mặt khác sau khi kết hôn chung sống với nhau một thời gian dài nhưng có khó khăn trong việc sinh con nên quan hệ giữa vợ chồng trở nên căng thẳng. Đến nay đã ly thân được 08 tháng, bà nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, cũng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà xác nhận không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không có tài sản chung.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Võ Trung T trình bày: Ông thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống như bà T đã trình bày. Ông cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến tháng 8/2018 mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng đôi lúc có tranh luận một số vấn đề dẫn đến không có tiếng nói chung, bản thân ông cũng đầy đủ trách nhiệm với gia đình, ông xác định còn tình cảm với bà T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông xác nhận không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không có tài sản chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T có đến Tòa án để trình bày ý kiến, yêu cầu giải quyết đoàn tụ nhưng trong các lần hòa giải mặc dù được triệu tập hợp lệ ông T không có mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Võ Trung T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu ý kiến về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Trần Hoài Trang, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Trần Hoài T và ông Võ Trung T.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến của Đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Trần Hoài T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Võ Trung T có địa chỉ số , đường P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, ông Thịnh không đồng ý ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[2] Về tố tụng: Ông Võ Trung T được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Trần Hoài T và ông Võ Trung T đăng ký kết hôn năm 2018, tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T là hợp pháp. Xét tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T thể hiện trong cuộc sống hai bên tồn tại mâu thuẫn kéo dài, các bên đều thừa nhận nguyên nhân do trong cuộc sống bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung, bên cạnh đó sự khó khăn trong việc sinh con chung cũng là nguyên nhân làm cho quan hệ giữa vợ chồng căng thẳng. Bà T cho rằng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng và không thể hàn gắn được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn ông Võ Trung T cho rằng tuy có mâu thuẫn nhưng ông vẫn có trách nhiệm với gia đình, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết đoàn tụ, nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên hòa giải nhưng vẫn vắng mặt, quá trình vợ chồng ly thân ông T cũng không có động thái nào để hàn gắn, thậm chí cắt đứt liên lạc với bà T như vậy là thể hiện thái độ không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với bà T. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương không ghi nhận các bên có mâu thuẫn gì, tuy nhiên xác nhận vợ chồng không còn chung sống với nhau. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa bà T và ông T.

[4] Về con chung: Các bên xác nhận không có con chung nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên xác định không có nên không đề cập.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Trần Hoài T và ông Võ Trung T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Trần Hoài T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0016897 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà T đã nộp đủ án phí.

3- Về quyền kháng cáo Bà Nguyễn Trần Hoài T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Võ Trung T vắng mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh L (02);
- VKSND tp.Đ;
- UBND phường D.Tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đoàn Thị Tuyết Nga